

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 6 năm 2019
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DK - TỈNH KHÁNH HÒA

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Võ Thị Mai Phương
Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Quốc Tân
ông Nguyễn Thành

- *Thư ký phiên tòa:* bà Võ Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện DK - Khánh Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DK - Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* ông Hồ Hữu Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện DK - tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 30/2019/TLST-HNGĐ ngày 12/3/2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/6/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Lại O - sinh năm 1962
Trú tại: thôn P - xã S - huyện DK - Khánh Hòa.
Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* bà Ngô Thị Thúy H (Ngô Thị H) - sinh năm 1962
Trú tại: thôn P - xã S - huyện DK - Khánh Hòa.
Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/3/2019 và các biên bản lấy lời khai ngày 22/3 và 17/4/2019, nguyên đơn ông Lại O trình bày: ông và bà H tự nguyện yêu thương nhau về sống chung và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S năm 1994. Quá trình sống chung, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà H thường xuyên có thái độ đối xử không tốt, hắt hủi mẹ chồng, thường nặng nề với chồng. Hơn 10 năm nay, ông và bà H sống chung nhà nhưng cơm ai nấy ăn, việc ai người đó làm, không ai nói với ai câu nào. Đến nay, ông xác định không còn tình cảm với bà H nên ông yêu cầu được ly hôn với bà H. Về con chung: có 04 con chung Lại Văn C (1988), Lại Văn K (1990), Lại Văn P (1992), Lại Thị S (1995). Các con đã trưởng thành, khỏe mạnh nên không có yêu cầu gì. Tài sản

chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: không có.

Tại các biên bản lấy lời khai 29/3, 21/5 và 24/5/2019, bị đơn bà Ngô Thị Thúy H trình bày: bà xác định bà và ông O kết hôn năm 1994. Vợ chồng không có mâu thuẫn gì nhưng ông O có người đàn bà khác. Hơn 10 năm nay, bà với ông O sống chung một nhà nhưng công việc ai người đó làm, cơm ai người đó ăn, không ai nói với ai tiếng nào. Nay ông O xin ly hôn, bà không đồng ý ly hôn. Về con chung: có 04 con chung Lại Văn C (1988), Lại Văn K (1990), Lại Văn P (1992), Lại Thị S (1994). Các con đã trưởng thành, khỏe mạnh nên không có yêu cầu gì. Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông O vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với bà H; con chung đã trưởng thành và khỏe mạnh nên không có yêu cầu gì; tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: không có. Bị đơn bà H: không đồng ý ly hôn, các con đã trưởng thành nên bà không yêu cầu gì; tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DK - Khánh Hòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự trong vụ án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông O về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ hôn nhân: ông O và bà H sống chung với nhau từ năm 1988 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S theo giấy chứng nhận kết hôn số 51/1994 ngày 21/11/1994 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ông O cho rằng giữa vợ chồng ông đã có sự mâu thuẫn do cách cư xử của bà H đối với mẹ chồng nên làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, hơn 10 năm nay ông và bà H đã không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Bà H thì cho rằng vợ chồng bà không có mâu thuẫn gì, ông O thường xuyên uống rượu về nhà đánh đập bà, hơn một năm nay ông O có người đàn bà khác nên mới ly hôn với bà. Bà cũng xác định hơn 10 năm nay, giữa vợ chồng ông bà đã không còn nói chuyện, ăn cơm hay quan tâm gì đến nhau, việc ai người đó làm. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa ông O và bà H là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông O.

[2] Con chung: ông O, bà H có bốn con chung là Lại Văn C (1988), Lại Văn K (1990), Lại Văn P (1992), Lại Thị S (1994). Các con đã trưởng thành, khỏe mạnh. Ông O, bà H không có yêu cầu gì.

[3] Tài sản chung: Ông O xác định tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Biên bản lấy lời khai ngày 29/3/2019, bà H yêu cầu chia tài

sản chung, Tòa án cho bà H thời gian để cung cấp tài liệu, chứng cứ về thông tin thửa đất, các giấy tờ liên quan đến tài sản chung nhưng bà H không cung cấp được. Ngày 24/5/2019, bà H xác định bà không yêu cầu gì hết. Tại phiên tòa hôm nay, bà H xác định tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này các bên có yêu cầu sẽ khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác.

[4] Nợ chung: không có.

[5] Về án phí: ông O nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 53, 54 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Lại O được ly hôn với bà Ngô Thị Thúy H (Ngô Thị H).

Con chung: ông O, bà H có bốn con chung là Lại Văn C (1988), Lại Văn K (1990), Lại Văn P (1992), Lại Thị S (1994). Các con đã trưởng thành, khỏe mạnh. Không ai có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

2. Về án phí: ông Lại O nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0002530 ngày 12/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện DK - Khánh Hòa. Ông O đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện DK;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện DK;
- UBND xã S - DK - Khánh Hòa (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa